

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**

\*

\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

10 \* 11/11/11

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thanh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Ngày 11 tháng 8 năm 2010*

**Võ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc

20301  
ÔNG  
NHIỆM  
ELOI  
VIỆT N  
DA-7

Số: 79 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty không đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản vay bằng ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản vay bằng ngoại tệ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 7.626.558.211 VND, đồng thời các khoản vay dài hạn sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm soát xét, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2009.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 11 tháng 8 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

*Nguyễn Tuấn Anh*

Nguyễn Tuấn Anh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

Thành viên  
**Deloitte Touche Tohmatsu**

PH/CT/TT/M/VA

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.422.347.857.198</b>	<b>1.159.172.623.682</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>360.934.958.275</b>	<b>196.280.817.110</b>
1. Tiền	111		11.838.958.275	16.280.817.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		349.096.000.000	180.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>815.685.326.000</b>	<b>785.685.326.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	815.685.326.000	785.685.326.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>222.916.684.947</b>	<b>156.617.456.520</b>
1. Phải thu khách hàng	131		152.990.507.780	107.228.003.552
2. Trả trước cho người bán	132		46.804.260.568	24.230.720.000
3. Các khoản phải thu khác	135		23.121.916.599	25.158.732.968
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>21.683.005.651</b>	<b>20.525.974.052</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.648.695.161	28.491.663.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.127.882.325</b>	<b>63.050.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	18.550.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.862.325	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.091.020.000	44.500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.359.159.779.008</b>	<b>1.421.776.973.968</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.342.787.398.434</b>	<b>1.406.167.435.180</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.203.136.814.959	1.279.345.161.357
- Nguyên giá	222		2.905.801.605.116	2.905.610.150.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.702.664.790.157)	(1.626.264.988.648)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	139.650.583.475	126.822.273.823
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.215.463.291</b>	<b>13.537.609.715</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	14.215.463.291	13.537.609.715
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.156.917.283</b>	<b>2.071.929.073</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		165.494.906	80.506.696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.991.422.377
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.781.507.636.206</b>	<b>2.580.949.597.650</b>

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>345.007.682.391</b>	<b>318.457.414.284</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77.288.359.409</b>	<b>69.199.193.063</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	49.082.173.948	30.918.252.300
2. Phải trả người bán	312		4.652.907.032	5.885.617.641
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	18.475.872.098	19.457.067.987
4. Phải trả người lao động	315		2.590.723.375	4.129.042.662
5. Chi phí phải trả	316		1.312.402.956	1.199.417.868
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		178.364.502	5.487.669.004
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		995.915.498	2.122.125.601
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>267.719.322.982</b>	<b>249.258.221.221</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	267.539.695.595	249.066.753.336
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		179.627.387	191.467.885
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.436.499.953.815</b>	<b>2.262.492.183.366</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.435.276.664.926</b>	<b>2.261.115.671.822</b>
1. Vốn điều lệ	411	14	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.380.000.000	14.380.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14	336.984.204.926	162.823.211.822
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.223.288.889</b>	<b>1.376.511.544</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.223.288.889	1.376.511.544
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.781.507.636.206</b>	<b>2.580.949.597.650</b>



Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập

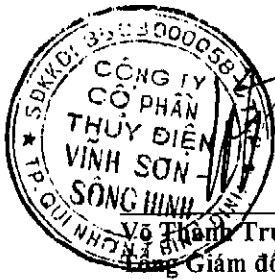
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	231.211.587.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		231.211.587.998
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	92.644.535.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		138.567.052.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	44.226.033.686
7. Chi phí tài chính	22	17	2.287.414.377
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		1.928.927.126
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.559.904.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		174.945.768.073
11. Thu nhập khác	31		15.254.683
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		15.254.683
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	41		677.853.576
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		175.638.876.332
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		175.638.876.332
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	852



Võ Thành Trung  
Trưởng Giám đốc

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	175.638.876.332
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		33.952.139.782
- Khấu hao tài sản cố định	02	76.249.246.342
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.226.033.686)
- Chi phí lãi vay	06	1.928.927.126
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	209.591.016.114
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(41.169.108.284)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(1.157.031.599)
- (Giảm) các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp	11	(12.193.507.289)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(66.438.210)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.965.911.943)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.103.622.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.187.004.325)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	151.955.636.464
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(35.122.756.596)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(460.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	430.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.184.397.390
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(23.938.359.206)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52.096.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.459.136.093)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	36.636.863.907
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	164.654.141.165
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</i>	60	196.280.817.110
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</i>	70	360.934.958.275

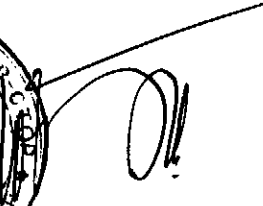

330  
NG  
HIỆN  
LOI  
ỆT I  
ĐA

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010


**Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ:**

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm số tiền 22.100.324.345VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.


  


Trần Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 149 người (31 tháng 12 năm 2009: 125 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

10/2  
HAI  
11  
12  
13  
14

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Nếu Công ty có lãi trong năm 2010, năm nay sẽ là năm thứ sáu Công ty kinh doanh có lãi và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	320.833.695	358.060.981
Tiền gửi ngân hàng	11.518.124.580	15.922.756.129
Các khoản tương đương tiền (i)	349.096.000.000	180.000.000.000
	<u><b>360.934.958.275</b></u>	<u><b>196.280.817.110</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng.

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	785.000.000.000	755.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	200.000.000.000	150.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iii)	85.000.000.000	105.000.000.000
	<u><b>815.685.326.000</b></u>	<u><b>785.685.326.000</b></u>

(ii) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(iii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với lãi suất 8%, kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày giải ngân.

(iv) Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý các khoản 25 tỷ VND, 25 tỷ VND, 35 tỷ VND, kỳ hạn 6 tháng, với lãi suất tương ứng 10,4%, 10,4% và 11,49%, đáo hạn lần lượt vào ngày 29/07/2010, 03/08/2010, 09/12/2010.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.468.694.188	27.652.793.979
Công cụ, dụng cụ	3.850.000	3.230.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	176.150.973	835.639.583
	<u><b>29.648.695.161</b></u>	<u><b>28.491.663.562</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<u><b>21.683.005.651</b></u>	<u><b>20.525.974.052</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đặc thù áp dụng cho ngành điện.

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	2.047.298.356	827.317.124	7.023.503	23.971.167	2.905.610.150
Tăng trong kỳ	-	47.380	86.084	57.991	191.455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	2.047.298.356	827.364.504	7.109.587	24.029.158	2.905.801.605
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	(911.066.435)	(695.896.244)	(1.329.803)	(17.972.507)	(1.626.264.989)
Khấu hao trong kỳ	(34.060.360)	(41.477.054)	(592.612)	(119.219)	(76.249.245)
Tăng khác	-	-	(124.067)	(26.489)	(150.556)
Tại ngày 30/06/2010	(945.126.795)	(737.373.298)	(2.046.482)	(18.118.215)	(1.702.664.790)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/06/2010	1.102.171.561	89.991.206	5.063.105	5.910.943	1.203.136.815
Tại ngày 31/12/2009	1.136.231.921	131.420.880	5.693.700	5.998.660	1.279.345.161

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 443.824.939.782 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 22.573.170.504 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 21.274.032.589 VND).

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	126.822.273.823	56.090.444.200
Tăng	12.828.309.652	14.693.951.540
Tại ngày 30 tháng 06	<b>139.650.583.475</b>	<b>70.784.395.740</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

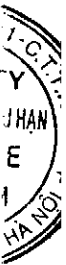
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn (i)	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	116.416.252.107	105.860.953.965
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (iii)	15.299.536.992	13.532.335.191
Dự án Thủy điện Đồng Cam (iv)	180.645.860	180.645.860
Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn (v)	657.362.002	579.241.872
Dự án cắm mốc hành lang, bảo vệ hồ chứa Vĩnh Sơn (vi)	1.571.340.003	1.293.620.329
Sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên dở dang	150.749.905	780.000
	<u>139.650.583.475</u>	<u>126.822.273.823</u>

- (i) Theo Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số 14/QĐ-EVN-HĐQT-TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2002 của EVN, "Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn" này được xây dựng trên nhánh sông Đăkdinhdong (thượng nguồn sông Ba) thuộc địa phận xã Đăkroong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với tổng mức đầu tư là 217.100.000.000 VND. Nhiệm vụ của công trình là chuyển nước điều tiết từ hồ C trên thượng nguồn sông Ba sang hồ B hiện có của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất và làm gia tăng sản lượng điện trung bình hàng năm của Nhà máy này thêm 78,2 triệu KWh. Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định với giá trị là 128 tỷ VND và đưa vào sử dụng điều tiết nước từ hồ B sang hồ C trong năm 2007.
- (ii) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; và nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN; Ban Quản lý Thủy điện 4 đại diện cho EVN đã bàn giao lại toàn bộ các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình theo Công văn số 6421/CV-EVN-KH ngày 29 tháng 11 năm 2006 của EVN và Biên bản bàn giao đề ngày 01 tháng 01 năm 2007. Công ty đã chuyển trả lại EVN toàn bộ số tiền mà EVN đã chi trả trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án này từ năm 2002 đến năm 2006 với số tiền là 19.330.450.930 VND.
- (iii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3: UBND tỉnh Bình Định đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đã trình Bộ Công thương xem xét thỏa thuận thiết kế cơ sở của dự án. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 1711/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 8 năm 2008 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- (iv) Dự án thủy điện Đồng Cam: Đây là dự án đang ở bước lập quy hoạch và đăng ký đầu tư theo trình tự xây dựng cơ bản. Hiện nay, địa phương đang xem xét quy hoạch tổng thể về cấp nước các khu kinh tế nam Phú Yên.
- (v) Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Dự án đang tiến hành các bước khảo sát để lập dự án đầu tư.
- (vi) Dự án cắm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa - NM Vĩnh Sơn: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 292/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 7 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã nhất trí phê duyệt đề cương khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ B+C, Thủy điện Vĩnh Sơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

*Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:*

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỉ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

*Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:*

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỉ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản của công ty liên kết	28.988.398.434	29.460.572.340
Tổng công nợ của công ty liên kết	397.362.049	2.238.119.017
Giá trị tài sản thuần	<u>28.591.036.385</u>	<u>27.222.453.323</u>
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	14.215.463.291	13.537.609.715
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	8.491.036.385	7.122.273.323
	<u>Từ 01/01/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009</u>
	<u>đến 30/06/2010</u>	<u>đến 30/06/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu của công ty liên kết	7.753.756.047	14.001.155.439
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	1.743.299.585	13.185.843.468
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	677.853.576	6.477.581.325

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên	21.332.072.186	21.332.072.186
Chi nhánh Quy Nhơn - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt	27.750.101.762	9.586.180.114
	<b><u>49.082.173.948</u></b>	<b><u>30.918.252.300</u></b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.556.475.368	4.176.191.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.226.788.513	13.313.961.437
Thuế tài nguyên	1.522.113.494	1.813.656.868
Các loại thuế khác	170.494.723	153.258.376
	<b><u>18.475.872.098</u></b>	<b><u>19.457.067.987</u></b>

**13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên (i)	205.580.372.181	216.246.408.274
Chi nhánh Quy Nhơn - NH TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	61.959.323.414	32.820.345.062
	<b><u>267.539.695.595</u></b>	<b><u>249.066.753.336</u></b>

(i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn là 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng 1,35% áp dụng từ ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho tới ngày tiếp theo của kỳ điều chỉnh lãi suất (ngày 31 tháng 3 năm 2012); mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Các khoản vay từ Chi nhánh Quy Nhơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (“VIB”) bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0021/HĐTD2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18.
- Hợp đồng tín dụng số 0025/HĐTD2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.
- Hợp đồng vay vốn số 0018/HĐTD2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, kỳ hạn 60 tháng, hạn mức vay là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là 13,8%/năm. Khoản vay được tín chấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty không thực hiện việc đánh giá lại các khoản vay bằng ngoại tệ này. Việc đánh giá lại sẽ được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngày 31 tháng 12 năm 2010. Nếu thực hiện việc đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, giá trị các khoản vay dài hạn sẽ tăng lên 7.626.558.221 VND và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 443.824.939.782 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	49.082.173.948	30.918.252.300
Trong năm thứ hai	52.033.795.601	54.152.417.247
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	96.756.963.773	63.996.216.558
Sau năm năm	<u>118.748.936.221</u>	<u>130.918.119.531</u>
	316.621.869.543	279.985.005.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	49.082.173.948	30.918.252.300
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>267.539.695.595</u></u>	<u><u>249.066.753.336</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Lợi nhuận</u>
	VND	chưa phân phối
		VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	1.374.942.580.000	309.636.834.272
Tăng vốn trong năm	687.469.880.000	(266.809.312.000)
Lợi nhuận trong năm	-	374.523.422.950
Cổ tức đã trả	-	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	(3.796.728.000)
Chi khác	-	(3.241.341.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2010</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>162.823.211.822</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	175.638.876.332
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.477.883.228)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2010</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>336.984.204.926</b>

**Cơ cấu góp vốn**

	<u>30/06/2010</u>		<u>31/12/2009</u>	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	<b>100,00</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>100,00</b>	<b>2.062.412.460.000</b>

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND
Doanh thu bán điện (*)	231.069.214.260
Doanh thu dịch vụ khác	142.373.738
	<b>231.211.587.998</b>

(\*) Đến thời điểm soát xét này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2009. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận doanh thu như vậy là phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

018  
G T  
M H  
DIT  
NA  
TF

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u> VND
Giá vốn sản xuất điện	91.338.004.704
Giá vốn hoạt động khác	1.306.530.436
	<u>92.644.535.140</u>

**17. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u> VND
<b>Doanh thu tài chính</b>	
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.611.794.486
Cổ tức được chia	3.614.239.200
	<u>44.226.033.686</u>
<b>Chi phí tài chính</b>	
Lãi tiền vay	1.928.927.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	358.487.251
	<u>2.287.414.377</u>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<u>41.938.619.309</u>

**18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u> VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	175.638.876.332
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	206.241.246
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>852</u>

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 498/2009/VSH-ALSTOM với Công ty Alstom Hydro France về việc mua 01 bánh xe công tác (thiết bị đặc chủng) và 04 gáo dự phòng thay thế thiết bị sử dụng trong nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn. Giá trị hợp đồng là 610.000 EUR, tương đương 14.392.028.900 VND. Thiết bị sẽ được bàn giao cho Công ty sau 16 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tính tới ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã ứng trước cho Công ty Alstom Hydro France 30% giá trị hợp đồng tương đương với 183.000 EUR.

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiên Dung và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND, giá trị công trình đã nghiệm thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 39.200.954.442 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty CP Đầu tư XD Công trình ngầm Việt Nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND. Tới thời điểm 30 tháng 06 năm 2010, số dư tạm ứng Công ty đã tạm thanh toán cho các nhà thầu theo điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng với số tiền là 18.225.468.223 VND. Công việc đã được nghiệm thu lần 1 và được ghi tăng chi phí đầu tư xây dựng lần 1 là 1.912.440.706 VND.

Ngày 11 tháng 1 năm 2010 công ty ký hợp đồng số 18/HD-VSH-CVCCCH với công ty CP Cavico về việc thi công xây dựng hầm giao thông và đoạn rẽ vào Nhà máy - Dự án thủy điện thượng Kon Tum với tổng giá trị là 111.958.725.000 VND. Tính tới thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty đã tạm ứng cho nhà thầu 16.794.000.000 tương đương 15% giá trị hợp đồng.

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND
<b>Doanh thu</b>	
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	231.211.587.998
Lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.646.750.000
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	4.358.087.500

**Đầu tư**

Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý vốn, kỳ hạn 6 tháng 85.000.000.000

**Số dư với các bên liên quan:**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	152.990.507.780	107.123.294.902
Số dư cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	85.000.000.000	85.000.000.000

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>
	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.092.888.367

**21.**

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 609/2010/NQ-VSH-DHDCD ngày 23 tháng 7 năm 2010, đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án phát hành 1.000 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp để tài trợ vốn cho các dự án xây dựng cơ bản, dự kiến phát hành trong cuối năm 2010 đầu năm 2011.

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

\*\*\*